

**QUỐC HỘI**  
\*\*\*\*\*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
\*\*\*\*\*

Số: 04/1998/QH10

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 1998

## **LUẬT**

**SỐ 04/1998/QH10 NGÀY 20 THÁNG 05 NĂM 1998 CỦA QUỐC HỘI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU**

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992; Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 5 tháng 7 năm 1993.*

### **Điều 1**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu :

1. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 9

1. Thuế suất đối với hàng nhập khẩu gồm thuế suất thông thường, thuế suất ưu đãi và thuế suất ưu đãi đặc biệt :

a) Thuế suất thông thường áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước không có thỏa thuận đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam. Thuế suất thông thường được quy định cao hơn không quá 70% so với thuế suất ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng do Chính phủ quy định;

b) Thuế suất ưu đãi áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước có thỏa thuận đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam. Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định Biểu thuế theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng. Căn cứ vào Biểu thuế do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành, Chính phủ quy định Biểu thuế theo danh mục mặt hàng và thuế suất cụ thể đối với từng mặt hàng;

c) Thuế suất ưu đãi đặc biệt áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước mà Việt Nam và nước đó đã có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu. Chính phủ quy định thuế suất ưu đãi đặc biệt đối với từng mặt hàng theo thỏa thuận đã được ký kết với các nước.

2. Hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp sau, ngoài việc chịu thuế theo khoản 1 của Điều này còn phải chịu thuế bổ sung :

a) Hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam với giá bán của hàng đó quá thấp so với giá thông thường do được bán phá giá, gây khó khăn cho sự phát triển ngành sản xuất hàng hóa tương tự của Việt Nam;

b) Hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam với giá bán của hàng đó quá thấp so với giá thông thường do có sự trợ cấp của nước xuất khẩu, gây khó khăn cho sự phát triển ngành sản xuất hàng hóa tương tự của Việt Nam;

c) Hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam có xuất xứ từ nước mà nước đó có sự phân biệt đối xử về thuế nhập khẩu hoặc có những biện pháp phân biệt đối xử khác đối với hàng hóa của Việt Nam.

Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định việc áp dụng mức thuế bổ sung trong từng trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này."

2. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 11

Được xét miễn thuế trong các trường hợp :

1. Hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng, nghiên cứu khoa học và giáo dục, đào tạo;
2. Thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển chuyên dùng nhập khẩu theo quy định tại Điều 47 của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Điều 25 của Luật khuyến khích đầu tư trong nước;
3. Hàng là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức, cá nhân Việt Nam và ngược lại trong mức quy định của Chính phủ."

3. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 16

1. Tổ chức, cá nhân mỗi lần có hàng hóa được phép xuất khẩu phải kê khai, nộp tờ khai hàng hóa xuất khẩu và nộp thuế cho cơ quan thu thuế.
2. Tổ chức, cá nhân mỗi lần có hàng hóa được phép nhập khẩu phải kê khai, nộp tờ khai hàng hóa nhập khẩu và nộp thuế cho cơ quan thu thuế nơi có cửa khẩu nhập hàng hóa. Trong trường hợp cần thiết để tránh ách tắc hàng hóa tại cửa khẩu, Chính phủ quy định thêm một số địa điểm làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa.

Cơ quan thu thuế có trách nhiệm kiểm tra, làm thủ tục và thu thuế."

4. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 17

1. Thời điểm tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là ngày đăng ký tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
2. Trong thời hạn tám giờ làm việc, kể từ khi đăng ký tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, cơ quan thu thuế thông báo chính thức cho đối tượng nộp thuế số thuế phải nộp. Đối với một số mặt hàng có số lượng nhập khẩu lớn hoặc phải có giám định phức tạp thì thời hạn thông báo thuế có thể được kéo dài nhưng không quá ba ngày làm việc. Chính phủ quy định từng mặt hàng cụ thể trong trường hợp việc giám định phải kéo dài quá ba ngày.

3. Thời hạn nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được quy định như sau :

a) Đối với hàng xuất khẩu là mười lăm ngày, kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo chính thức của cơ quan thu thuế về số thuế phải nộp;

b) Đối với hàng là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được nộp thuế trong thời hạn chín tháng, kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo chính thức của cơ quan thu thuế về số thuế phải nộp. Trong trường hợp đặc biệt, thời hạn nộp thuế có thể được gia hạn phù hợp với chu kỳ sản xuất, dự trữ vật tư, nguyên liệu của doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ;

c) Đối với hàng tạm xuất, tái nhập hoặc tạm nhập, tái xuất là mười lăm ngày, kể từ ngày hết thời hạn tạm xuất, tái nhập hoặc tạm nhập, tái xuất theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

d) Đối với hàng là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phương tiện vận tải nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất là ba mươi ngày, kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo chính thức của cơ quan thu thuế về số thuế phải nộp;

đ) Đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu thì phải nộp xong thuế trước khi nhận hàng. Trong trường hợp có bảo lãnh về số tiền nộp thuế của các tổ chức tín dụng hoặc các tổ chức khác được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, thì thời hạn nộp thuế là ba mươi ngày, kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo chính thức của cơ quan thu thuế về số thuế phải nộp. Quá thời hạn nộp thuế nói trên mà đối tượng nộp thuế chưa nộp thuế thì tổ chức bảo lãnh phải có trách nhiệm nộp số tiền thuế đó thay cho đối tượng nộp thuế."

5. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 20

Đối tượng nộp thuế vi phạm Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì bị xử lý như sau:

1. Nộp chậm tiền thuế, tiền phạt so với ngày quy định phải nộp hoặc quyết định xử lý về thuế thì ngoài việc nộp đủ số thuế, số tiền phạt, mỗi ngày nộp chậm còn phải nộp phạt bằng 0,1% (một phần nghìn) số tiền chậm nộp;

2. Không thực hiện đúng những quy định về đăng ký, kê khai nộp thuế theo quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính về thuế;

3. Khai man thuế, trốn thuế thì ngoài việc phải nộp đủ số thuế theo quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị phạt tiền từ một đến năm lần số tiền thuế gian lận;

4. Không nộp thuế, nộp phạt theo quyết định xử lý về thuế thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp sau đây :

a) Trích tiền gửi của đối tượng nộp thuế tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc để nộp thuế, nộp phạt.

Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc có trách nhiệm trích tiền từ tài khoản tiền gửi của đối tượng nộp thuế để nộp thuế, nộp phạt vào ngân sách nhà nước theo quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền trước khi thu nợ;

b) Giữ hàng hóa, tang vật để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt;

c) Kê biên tài sản theo quy định của pháp luật để bảo đảm thu đủ số thuế, số tiền phạt còn thiếu;

d) Cơ quan hải quan không được làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu cho chuyển hàng tiếp theo của đối tượng nộp thuế cho đến khi đối tượng đó nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt;

5. Nếu phát hiện và kết luận có sự gian lận, trốn thuế, cơ quan thuế có trách nhiệm truy thu tiền thuế, tiền phạt trong thời hạn năm năm trở về trước, kể từ ngày kiểm tra phát hiện có sự gian lận, trốn thuế; trường hợp đối tượng nộp thuế nhầm lẫn trong kê khai, cơ quan thuế có trách nhiệm truy thu hoặc hoàn trả tiền thuế đó trong thời hạn một năm trở về trước, kể từ ngày kiểm tra phát hiện có sự nhầm lẫn đó;

6. Trốn thuế với số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế mà còn vi phạm hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng khác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Thẩm quyền, thủ tục, trình tự xử lý vi phạm về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Điều 2**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1999.

## **Điều 3**

Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã ban hành cho phù hợp với Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 20 tháng 5 năm 1998.

**Nông Đức Mạnh**

(Đã ký)